

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/ST - HNGĐ

Ngày: 30/9/2019.

V/v xin ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Hứa Văn Chề.

2. Ông: Nguyễn Văn Biện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường xét xử dân sự Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2019/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/ 2019/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Minh P

Địa chỉ: SN 54, đường N, tổ 04, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Vũ Hữu Q

Địa chỉ: SN 54, đường N, tổ 04, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2019 và quá trình tố tụng Lê Minh P trình bày: Chị và anh Vũ Hữu Q kết hôn ngày 11/7/2013, có đăng ký tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Việc kết hôn là do tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không có tiếng nói chung, không thể hòa giải được. Trước đó vợ chồng đã làm đơn ra tòa một lần vào tháng 4/2019, sau đó chị P rút đơn trở về đoàn tụ với nhau, nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được và sống ly thân nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị P làm đơn đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung anh chị có 01 con chung cháu Vũ Thảo M, sinh ngày 26/01/2014, ly hôn vợ chồng thỏa thuận chị P là người trực tiếp nuôi con, anh Q cấp dưỡng nuôi con 1.000.000,đồng/ tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có

* Tại bản tự khai ngày 03/9/2019 bị đơn anh Vũ Hữu Q xác nhận: Vợ chồng đăng ký ngày 11/7/2013 tại UBND phường T, thành phố H, tự nguyện kết hôn và chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã và bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể hòa giải được. Nay vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, anh Q đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Có một con chung Vũ Thảo M; sinh ngày 26/01/2014. Ly hôn anh Q nhất trí để chị P trực tiếp nuôi con, anh Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có;

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do anh Q có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được và mở phiên toà xét xử vụ án theo quy định của pháp luật

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát thành phố H:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, HĐXX đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật TT DS, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1, Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 147 Bộ luật TTDS; Điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị P và anh Q được ly hôn;

Về con chung: Giao cháu Vũ Thảo M; SN: 26/01/2014 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh Q cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng). Anh Q có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có; không giải quyết

Về án phí: Chị P phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Q phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000,đồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ Hữu Q có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình. Anh Q có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa

căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đảm bảo đúng theo trình tự tố tụng. Trong vụ án yêu cầu khởi kiện của đương sự là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Quan hệ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật TTDS năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Minh P và anh Vũ Hữu Q kết hôn ngày 11/7/2013, có đăng ký tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Việc kết hôn là do tự nguyện. Kết hôn đến nay đã được hơn 6 năm, theo chị P, anh Q đều cho rằng nguyên nhân xin ly hôn trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau và bất đồng quan điểm sống không thể hòa giải được dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân nhau đã lâu, không đi lại quan hệ với nhau nữa. Chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đã làm đơn xin ly hôn với anh Q.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị P vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Q, bị đơn anh Q có đơn xin được giải quyết và xét xử vắng mặt tại phiên tòa tại bản tự khai cũng như trong đơn xin vắng mặt anh Q nhất trí ly hôn với chị P. Quá trình xác minh được chính quyền cơ sở xác nhận vợ chồng chị P, anh Q trong thời gian chung sống và sinh hoạt tại tổ 4, phường T, thành phố H, vợ chồng mâu thuẫn tổ không được biết và cũng chưa hòa giải mâu thuẫn vợ chồng lần nào, chỉ biết là từ tháng 01/2019 anh Q không có mặt tại nơi tạm trú, bỏ đi làm ăn và sinh sống ở đâu thỉnh thoảng qua lại, vợ chồng anh chị đã sống ly thân và có 01 con chung hiện nay đang ở cùng với chị P. Xét về tình cảm vợ chồng chị P, anh Q đã bị sút mẻ, đã sống ly thân nhau, hơn nữa chị P đã làm đơn ra Tòa một lần sau đó vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng vợ chồng không cải thiện được, nếu cố níu kéo để chị P quay lại đoàn tụ chung sống với anh Q thì cũng không có hạnh phúc mà còn ảnh hưởng đến cuộc sống sau này cho cả hai bên. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị P áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị P và anh Q được ly hôn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị P và anh Q có 01 con chung tên là Vũ Thảo M; sinh ngày 26/01/2014. Hiện tại cháu M đang ở cùng chị P, nay chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu, đề nghị anh Q cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000,đ/tháng, đồng thời tại đơn xin giải quyết vắng mặt anh Q nhất trí để chị P trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu M, anh Q nhất trí cấp dưỡng 1.000.000,đ/tháng (Một triệu đồng). Xét thấy cần chấp nhận ý kiến đề nghị của hai bên nên cần giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu là phù hợp đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Anh Q cấp dưỡng nuôi con chung với mức tiền 1.000.000,đ/tháng (Một triệu đồng). Anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị P phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh Q phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Minh P về việc xin ly hôn với anh Vũ Hữu Q.

2. Xử cho chị Lê Minh P và anh Vũ Hữu Q được ly hôn.

3. Xử về con chung: Giao cho chị Lê Minh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Vũ Thảo M; sinh ngày 26/01/2014 đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh Q cấp dưỡng nuôi con chung với mức tiền 1.000.000,đ/tháng (Một triệu đồng). Chị P là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/9/2019). Anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(đối với các khoản trả cho người được thi hành án)cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Minh P phải chịu 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền chị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 01255 ngày 07/6/2019.

Anh Vũ Hữu Q phải chịu 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- VKSND TPH;
- TAND tỉnh HG;
- UBND phường T, TP H;
- Các đương sự;
- C.C THATPH;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

Ma Thị Nghị